

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1693/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-11-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mộng Tuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Soan

2. Bà Châu Thị Lệ

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 859/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 456/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Hồng L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 965/16/91 đường Quang T, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Dương Minh H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 965/16/91 đường Quang T, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L trình bày:*

Bà và ông Dương Minh H tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 22 tháng 10 năm 2003. Bà và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H vô tâm không quan tâm chăm sóc vợ con, lúc bà bị bệnh nặng nằm một chỗ nhưng ông H vẫn không hề hỏi thăm hay chăm sóc bà. Bà và ông H bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên mâu thuẫn ngày càng gay

gắt, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bà và ông H đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, không giải quyết được mâu thuẫn. Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Hồng L yêu cầu ly hôn với ông Dương Minh H.

Về con chung: Có 02 con chung tên là: Dương Minh N, sinh ngày 29/9/1994 và Dương Đình D, sinh ngày 26/7/2001. Hai con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn là ông Dương Minh H trình bày: Ông nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian đi đến hôn nhân và về con chung. Về quan hệ hôn nhân, ông không đồng ý ly hôn, ông cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không nhất thiết phải ly hôn. Trong quá trình chung sống, ông và bà L chỉ xảy ra vài lần mâu thuẫn lớn. Ông đã nhiều lần nhận lỗi và mong bà L tha thứ để cùng nhau tiếp tục lo cho các con vì dù hiện nay các con đã thành niên nhưng vẫn còn tuổi đi học nên vẫn phải lo, tuy nhiên không có kết quả. Ông cho rằng ông là trụ cột của gia đình, ông luôn sống vì gia đình, ông đi làm toàn bộ tiền để lo cho gia đình. Ông mong muốn được hòa giải và cần thêm thời gian để hàn gắn tình cảm. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Dương Minh H. Về con chung, có 02 con chung tên là: Dương Minh N, sinh ngày 29/9/1994 và Dương Đình D, sinh ngày 26/7/2001. Hai con đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Dương Minh H không đồng ý ly hôn với bà L. Về con chung, có 02 con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy, bà L và ông H đã phát sinh mâu thuẫn mà không thể giải quyết, hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L. Cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà

Dương Thị Hồng L được ly hôn với ông Dương Minh H; Về con chung: Có 02 con chung tên là: Dương Minh N, sinh ngày 29/9/1994 và Dương Đình D, sinh ngày 26/7/2001. Hai con đều đã trưởng thành; Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Dương Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Dương Minh H, đây là quan hệ: “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 103, quyển số 01 giữa bà Dương Thị Hồng L và ông Dương Minh H do Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22 tháng 10 năm 2003, xác định hôn nhân giữa bà Dương Thị Hồng L và ông Dương Minh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Hồng L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Bà L trình bày giữa bà và ông Dương Minh H bất đồng quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn do ông H vô tâm, không quan tâm chăm sóc gia đình. Bà L và ông H đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông H không đồng ý ly hôn với bà L, ông cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ 3 - 4 năm nay nhưng không đến mức phải ly hôn, những lúc bà L bị bệnh ông không quan tâm, chăm sóc vì ông phải đi làm kiếm tiền nuôi vợ con. Ông yêu cầu cho thêm thời gian để có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và tiếp tục cùng nhau lo cho các con. Ông xác nhận ông là người sai, trong cuộc sống vợ chồng sẽ có nhiều mâu thuẫn, nhưng ông vẫn mong muốn hai vợ chồng sẽ hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn đã phát sinh từ lâu, ông H không đồng ý ly hôn nhưng lại không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải và cho hai bên rất nhiều thời gian, tạo điều kiện để các bên có nhiều thời gian giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà L và ông H đều xác định cả hai không có tác động để hàn gắn quan hệ vợ chồng nên không thể đoàn tụ.

Xét, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp và chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Vì vậy, mặc dù giữa bà L và ông H vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng trên thực tế đã không còn tình cảm. Tuy bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng lại không có giải pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng bà L và ông H hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà L là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên là: Dương Minh N, sinh ngày 29/9/1994 và Dương Đình D, sinh ngày 26/7/2001. Hai con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Hồng L được ly hôn với ông Dương Minh Hoàng (Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01 giữa bà Dương Thị Hồng L và ông Dương Minh Hoàng do Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22 tháng 10 năm 2003 không còn hiệu lực).

Về con chung: Có 02 con chung tên là: Dương Minh N, sinh ngày 29/9/1994 và Dương Đình D, sinh ngày 26/7/2001. Hai con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

**2.** Án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Dương Thị Hồng L phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0048551 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

**3.** Về quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Hồng L và ông Dương Minh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp, TP.HCM;
- UBND xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Dương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phan Thị Mộng Tuyền**